

## Dữ liệu an toàn Theo điều 91/155 EEC

Ngày in 2011.09.05

Sửa lại: 2011.09.05

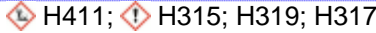
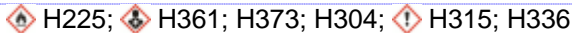

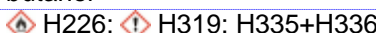
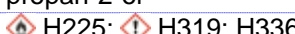
### 1 Nhận biết các chất hoặc hỗn hợp và các doanh nghiệp

- Phân loại sản phẩm
- Tên giao dịch **Resin solution X 50**
- Mã giao dịch: 1234567890
- Hướng dẫn sử dụng Vật liệu thô cho nhựa
- Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn
- Nhà sản xuất / Nhà phân phối:  
Chemix GmbH  
Chemixstraße 17  
A-5020 Salzburg
- Các thông tin chi tiết có thể tìm thấy ở: +1 357 90246 80
- Số điện thoại khẩn cấp: +123 456 7890

Tel.: 0043/662/21 22 23

### 2 Thành phần / Thông tin của công thức

- Mô tả tính chất hóa học: **Hỗn hợp**
- Mô tả Hỗn hợp các chất sau với những thành phần phụ gia không gây nguy hiểm
- Các chất thành phần nguy hiểm:

25068-38-6	reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight $\leq$ 700) 	25-50%
108-88-3	toluene 	10-25%
141-78-6	ethyl acetate 	10-25%
78-92-2	butanol 	2.5-10%
67-63-0	propan-2-ol 	2.5-10%

### 3 Xác định các trường hợp nguy hiểm có thể xảy ra

- Phân loại chất và hỗn hợp



GHS02 cháy flame

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.



GHS08 Hại sức khỏe

H361 Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.

H373 Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.



GHS09 Môi trường

H411 Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.

(Xem tiếp ở trang 2)

## Dữ liệu an toàn Theo điều 91/155 EEC

Ngày in 2011.09.05

Sửa lại: 2011.09.05

### Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 1)



GHS07

- H315 Gây kích ứng da.
- H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.
- H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
- H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

- **Các phần tử nhãn hiệu**
- **Các yếu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS
- **Các hình biểu thị sự nguy hiểm**



GHS02



GHS07



GHS08



GHS09

- **Từ chỉ dấu hiệu** Cảnh báo
- **Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:**  
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight  $\leq 700$ )  
toluene
- **Các hướng dẫn về các nguy hiểm**  
Chất lỏng và hơi dễ cháy.  
Gây kích ứng da.  
Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.  
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.  
Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.  
Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.  
Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.  
Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.
- **Các hướng dẫn an toàn**  
Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.  
Để xa tầm tay trẻ em.  
Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.  
Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.  
Sử dụng các thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống nổ.  
**NẾU DÍNH DA** (hoặc tóc): Bỏ/vắt đi ngay lập tức quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước/vòi hoa sen.  
**NẾU DÍNH MẮT**: Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa  
Nơi cất giữ được khóa lại  
Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

### 4 Các biện pháp sơ cứu

- **Hướng dẫn chung:**  
Triệu chứng nhiễm độc có thể xuất hiện sau một vài giờ, nên những quan sát ý tế cần phải được kéo dài ít nhất 48 giờ sau tai nạn.

(Xem tiếp ở trang 3)

## Dữ liệu an toàn Theo điều 91/155 EEC

Ngày in 2011.09.05

Sửa lại: 2011.09.05

### Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 2)

- **Sau khi hít vào:**  
Cung cấp không khí trong lành và gọi bác sĩ  
Trong trường hợp người bệnh bất tỉnh giữ bệnh nhân ở vị trí nằm nghiêng và chuyển đi.
- **Sau khi tiếp xúc với da:** Rửa ngay và thật sạch với nước và xà phòng
- **Sau khi tiếp xúc với mắt:**  
Mở mắt và rửa dưới vòi nước trong vài phút, nếu không thấy đỡ thì phải gọi cho bác sĩ ngay
- **Sau khi nuốt phải:** Nếu triệu chứng không giảm thì phải xin tư vấn của bác sĩ

### 5 Các giải pháp chữa cháy

- **Các giải pháp chữa cháy thích hợp**  
CO<sub>2</sub>, bột hay phun bụi nước. Chữa đám cháy lớn hơn phải phun bụi nước hay bột ARC
- **Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp** Không có thêm thông tin liên quan
- **Các thiết bị bảo vệ** Không cần đến những biện pháp đặc biệt

### 6 Các biện pháp trong trường hợp giải phóng bất ngờ

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp**  
Đeo thiết bị bảo vệ. Những ai không có thiết bị bảo vệ không được vào khu vực nguy hiểm
- **Các biện pháp bảo vệ môi trường**  
Không được để sản phẩm tràn vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào  
Thông báo ngay cho nhà chức trách trong trường hợp ngấm vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào  
Ngăn không cho tràn vào hệ thống nước thải, nước mặt hay nước ngầm
- **Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch**  
Có thể ngấm vào vật liệu giữ chất lỏng (cát, diatomite, vữa axit, vữa thường, mùn cưa)  
Loại bỏ vật liệu bị ô nhiễm theo quy định về chất thải tại mục 13  
Đảm bảo thoáng khí
- **Liên hệ đến các phần khác**  
Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn  
Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân  
Xem phần 13 để biết thông tin về xả thải

### 7 Xử lý và lưu trữ

- **Xử lý**
- **Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn**  
Đảm bảo nơi làm việc thoáng khí  
Tránh hình thành aerosol
- **Thông tin về các biện pháp chống cháy,**  
Không phun lên lửa hay bất bì vật liệu chói sáng nào  
Tránh xa nguồn cháy nổ. Không hút thuốc  
Tránh tích điện
- **Lưu trữ:**
- **Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa** Không có yêu cầu đặc biệt nào
- **Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường** Không yêu cầu
- **Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ** Đậy kín bình chứa

(Xem tiếp ở trang 4)

## Dữ liệu an toàn Theo điều 91/155 EEC

Ngày in 2011.09.05

Sửa lại: 2011.09.05

<b>Tên giao dịch Resin solution X 50</b>
--

(Xem tiếp ở trang 3)

· **Tác dụng của sản phẩm** Không có thêm thông tin liên quan

### 8 Kiểm soát các tình huống nguy hiểm / Bảo vệ cá nhân

· **Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật** Không có thêm dữ liệu; xem mục 7

· **Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc**

#### 108-88-3 toluene

OEL (RC)	Giá trị ngắn hạn: 100 mg/m <sup>3</sup> Giá trị dài hạn: 50 mg/m <sup>3</sup>
----------	--

#### 141-78-6 ethyl acetate

OEL (RC)	Giá trị ngắn hạn: 300 mg/m <sup>3</sup> Giá trị dài hạn: 200 mg/m <sup>3</sup>
----------	---

#### 67-63-0 propan-2-ol

OEL (RC)	Giá trị ngắn hạn: 700 mg/m <sup>3</sup> Giá trị dài hạn: 350 mg/m <sup>3</sup>
----------	---

· **Thông tin bổ sung**

Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở

· **Các thiết bị an toàn cá nhân**

· **Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể**

Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho vật nuôi

Loại bỏ ngay tập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn

rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm

Tránh tiếp xúc với mắt và da

· **Bảo vệ đường hô hấp:**

Trong trường hợp tiếp xúc ít hoặc ô nhiễm ở mức độ thấp hãy sử dụng mặt nạ phòng độc.

Trong trường hợp tiếp xúc nhiều và trong thời gian lâu thì phải sử dụng bình thở ôxi

· **Bảo vệ tay**



Găng tay bảo hộ

Chất liệu làm găng phải chống thấm đối với sản phẩm/chất/chế phẩm

Do không thấy các cuộc thử nghiệm nên không có khuyến cáo về chất liệu làm găng tay cho sản phẩm/chế phẩm/hỗn hợp hóa chất

Chọn chất liệu găng theo số lần và thời gian sử dụng

· **Chất liệu của găng tay**

Khi sản phẩm là một chế phẩm của một số chất, khả năng kháng độc của găng tay không thể tính toán trước được và do đó phải được kiểm tra trước khi ứng dụng

· **Thời gian xâm nhập của găng tay vật liệu**

Việc phá vỡ chính xác qua thời gian đã được phát hiện bởi các nhà sản xuất găng tay bảo vệ và phải được giám sát

(Xem tiếp ở trang 5)

VN

## Dữ liệu an toàn Theo điều 91/155 EEC

Ngày in 2011.09.05

Sửa lại: 2011.09.05

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

**· Bảo vệ mắt Eye**

(Xem tiếp ở trang 4)



Kính bảo hộ dán kín

### 9 Tính chất vật lý và hóa học

· Thông tin tổng quát	
· Diện mạo:	
Hình thức::	Thể lỏng
Màu:	Theo đặc tả của sản phẩm
· Mùi:	Đặc điểm
· Ngưỡng mùi:	Không xác định.
· Độ pH:	Không xác định.
· Thay đổi trong điều kiện	
Điểm tan / Phạm vi tan	Không xác định
Điểm sôi / Phạm vi sôi	77°C
· Điểm bay hơi:	26°C
· Tính dễ cháy (rắn, khí):	Không thể áp dụng.
· Nhiệt độ cháy:	390°C
· Nhiệt độ phân hủy:	Không xác định.
· Tự cháy:	Sản phẩm không tự bốc cháy.
· Nguy hiểm do cháy nổ:	Sản phẩm không nổ. Nhưng có khả năng hình thành khí, hỗn hợp hơi gây nổ.
· Giới hạn nổ:	
Dưới:	1.2 Vol %
Trên:	11.5 Vol %
· Áp lực hơi: tại 20°C:	97 hPa
· Mật độ:	Không xác định.
· Mật độ tương đối:	Không xác định.
· Mật độ của hơi:	Không xác định.
· Tỷ lệ bay hơi:	Không xác định.
· Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với:	
Nước:	Không thể hoặc khó trộn lẫn.
· Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước):	Không xác định.
· Độ nhớt:	
Động	Không xác định.
Tĩnh	Không xác định.

(Xem tiếp ở trang 6)

## Dữ liệu an toàn Theo điều 91/155 EEC

Ngày in 2011.09.05

Sửa lại: 2011.09.05

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 5)

· Thành phần dung môi:	
Dung môi hữu cơ:	50.0 %
· Thành phần chất rắn:	
Thông tin khác:	Không có thông tin chi tiết tương ứng

### 10 Sự ổn định và phản ứng:

- **Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh::** Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.

### 11 Thông tin độc tính:

- **Ngộ độc cấp tính:**

- **Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50**

#### 108-88-3 toluene

Miệng	LD50	5000 mg/kg (rat)
Da	LD50	12124 mg/kg (rabbit)
Hít phải	LC50/4 h	5320 mg/l (mouse)

- **Hiệu ứng kích thích sơ cấp:**
- **Trên da** Kích ứng da và lớp màng nhầy niêm mạc.
- **Trên mắt:** Tác dụng kích ứng.
- **Độ nhạy cảm** Có khả năng mẫn cảm nếu tiếp xúc với da.

### 12 Thông tin sinh thái

- **Thủy sản độc tính:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sự kiên trì và khả năng nhậ dần:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Hành vi trong các hệ thống môi trường:**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Ảnh hưởng của sinh thái độc**
- **Ghi chú:** Độc hại cho cá.
- **Bổ sung thông tin sinh thái:**
- **Ghi chú tổng quát:**  
Độc hại cho nước loại 2 (quy định của Đức) (Tự đánh giá): có hại cho nước.  
Không để sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải .  
Độc hại với nước uống kể cả với số lượng nhỏ thấm vào đất.  
Cũng độc hại cho cá và sinh vật phù du sống trong môi trường nước.  
Độc hại cho các sinh vật sống dưới nước.

VN

(Xem tiếp ở trang 7)

## Dữ liệu an toàn Theo điều 91/155 EEC

Ngày in 2011.09.05

Sửa lại: 2011.09.05




<b>Tên giao dịch Resin solution X 50</b>
--

(Xem tiếp ở trang 6)

### 13 Xem xét xử lý

- Phương pháp xử lý chất thải
- **Khuyến nghị**  
Không được xử lý cùng rác thải sinh hoạt. Không được bỏ sản phẩm vào hệ thống nước thải.
- Bao bì bẩn
- **Khuyến nghị:** Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.

### 14 Thông tin vận chuyển

<ul style="list-style-type: none"> <li>· Mã LHQ (UN)</li> <li>· ADR, IMDG, IATA</li> </ul>	UN1866
<ul style="list-style-type: none"> <li>· Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ</li> <li>· ADR</li> <li>· IMDG, IATA</li> </ul>	1866 RESIN SOLUTION, ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS, special provision 640E RESIN SOLUTION
<ul style="list-style-type: none"> <li>· vận chuyển các lớp học nguy hiểm</li> <li>· ADR</li> </ul>	<div style="display: flex; align-items: center; gap: 10px;">   </div>
<ul style="list-style-type: none"> <li>· lớp</li> <li>· nhãn</li> </ul>	3 Các chất lỏng dễ cháy. 3
<ul style="list-style-type: none"> <li>· IMDG, IATA</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>· Class</li> <li>· Label</li> </ul>	3 Flammable liquids. 3
<ul style="list-style-type: none"> <li>· Nhóm bao bì</li> <li>· ADR, IMDG, IATA</li> </ul>	III
<ul style="list-style-type: none"> <li>· Các môi trường nguy hiểm:</li> <li>· Ô nhiễm biển:</li> <li>· Đánh dấu đặc biệt (ADR):</li> </ul>	Không Biểu tượng (cá và cây)
<ul style="list-style-type: none"> <li>· Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:</li> <li>· Mã nguy hiểm (Kemler)</li> <li>· Mã EMS:</li> </ul>	Cảnh báo: Các chất lỏng dễ cháy. 30 F-E,S-E

(Xem tiếp ở trang 8)

VN

## Dữ liệu an toàn Theo điều 91/155 EEC

Ngày in 2011.09.05

Sửa lại: 2011.09.05

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 7)

- **Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL73/78 và mã IBC** Không có khả năng ứng dụng.
- **Vận chuyển/ Thông tin thêm:**
- **ADR**
- **Mã hạn chế đường hầm** D/E
- **Mẫu chuẩn của LHQ:** UN1866, RESIN SOLUTION, special provision 640E, ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS, 3, III

### 15 Thông tin quy định:

· **Kho hóa chất và chất hóa học của Philippin**

Tất cả các thành phần được liệt kê.

· **Kho chất hóa học của Australia**

Tất cả các thành phần được liệt kê.

· **Lập kế hoạch cho thuốc và chất độc theo mẫu chuẩn**

108-88-3	toluene	S6
----------	---------	----

· **Các yếu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

· **Các hình cảnh báo nguy hiểm Hazard pictograms**



GHS02 GHS07 GHS08 GHS09

· **Từ tín hiệu Cảnh báo**

· **Các thành phần xác định nguy hiểm của nhãn hiệu**

reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight  $\leq 700$ )

toluene

· **Cảnh báo nguy hiểm**

Chất lỏng và hơi dễ cháy.

Gây kích ứng da.

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.

Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.

· **Cảnh báo phòng ngừa**

Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.

Để xa tầm tay trẻ em.

Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.

Sử dụng các thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống nổ.

(Xem tiếp ở trang 9)



## Dữ liệu an toàn Theo điều 91/155 EEC

Ngày in 2011.09.05

Sửa lại: 2011.09.05

### Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 8)

**NẾU DÍNH DA** (hoặc tóc): Bỏ/vắt đi ngay lập tức quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước/vòi hoa sen.

**NẾU DÍNH MẮT**: Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa

Nơi cất giữ được khóa lại

Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

### 16 Thông tin khác

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không đảm bảo cho bất cứ tính chất cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp tác có giá trị pháp lý nào.

· **Cụm từ liên quan**

H225 Chất lỏng và hơi khả năng cháy cao.  
 H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.  
 H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và hít phải.  
 H315 Gây kích ứng da.  
 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.  
 H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.  
 H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.  
 H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.  
 H361 Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.  
 H373 Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.  
 H411 Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.

· **Nơi phát hành bảng hướng dẫn an toàn hóa chất:** Product safety department.

· **Liên hệ:** Dr. Peter Mayer

· **Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:**

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (European Agreement concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)  
 RID: Règlement international concernant le transport des marchandises dangereuses par chemin de fer (Regulations Concerning the International Transport of Dangerous Goods by Rail)  
 IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods  
 IATA: International Air Transport Association  
 ICAO: International Civil Aviation Organization  
 LC50: Lethal concentration, 50 percent  
 LD50: Lethal dose, 50 percent